

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ**

Số: 1419 /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thị xã Quảng Trị, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v Giao dự toán thu, chi từ nguồn phí, lệ phí cho
Phòng Quản lý đô thị năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015;

Căn cứ Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Thông tư số: 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

Căn cứ Thông tư số: 39/2016/TT-BTC ngày 02/2/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số: 161/2012/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách Nhà nước qua Kho bạc nhà nước;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính-Kế hoạch thị xã tại Tờ trình số 1037/TTr-TCKH ngày 31 tháng 12 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi năm 2019 từ nguồn phí thẩm định dự toán các công trình năm 2019 cho Phòng Quản lý đô thị với số tiền: 31.059.000 đồng (*Ba mươi một triệu, không trăm năm mươi chín ngàn đồng*) chi tiết phụ lục đính kèm.

Điều 2. Phòng TC-KH hướng dẫn chi tiết việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng TC-KH, Giám đốc KBNN, Thủ trưởng các cơ quan ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, Các PCT UBND thị xã;
- Lưu: VT. M

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Văn Ngọc Lâm

CHI TIẾT DỰ TOÁN THU, CHI TỪ NGUỒN PHÍ, LỆ PHÍ NĂM 2019

Đơn vị: Phòng Quản lý Đô thị

Mã ĐVQHNS: 1033657

Chương: 619

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1419 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND thị xã Quảng Trị)

TT	NỘI DUNG	Phí thẩm định dự toán các công trình	Ghi chú
I.	Phần thu	31.059.000	
II.	Phần chi	31.059.000	
1	Nộp ngân sách nhà nước (10%)	3.105.900	
2	Chi hoạt động thường xuyên	16.771.860	
3	Trích 40% để thực hiện cải cách tiền lương	11.181.240	

(Bảng chữ: Ba mươi một triệu, không trăm năm mươi chín ngàn đồng).